

NÂNG CAO NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG CHO HỘI NHẬP QUỐC TẾ: CÁC CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY ĐỔI MỚI TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM

Nguyễn Thanh Phương
Khoa Ngoại ngữ - Học viện Báo chí và Tuyên Truyền
Email: phannhatkhanganh2@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết phân tích các chiến lược đổi mới nhằm nâng cao năng lực tiếng Trung cho sinh viên trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Trên cơ sở tổng hợp các lý thuyết hiện đại và thực tiễn giảng dạy tại các trường đại học Việt Nam, nghiên cứu đề xuất bốn định hướng trọng tâm: đổi mới chương trình theo hướng phát triển năng lực; áp dụng các phương pháp dạy học giao tiếp, nhiệm vụ và dự án; tích hợp công nghệ số vào quá trình dạy – học; và tăng cường phát triển năng lực giảng viên. Các kết quả này góp phần định hướng nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Trung, đáp ứng yêu cầu nhân lực trong thời kỳ toàn cầu hóa.

Từ khóa: tiếng Trung; năng lực ngôn ngữ; đổi mới giảng dạy; công nghệ số; học tập kết hợp; năng lực giảng viên.

IMPROVING CHINESE LANGUAGE COMPETENCE FOR INTERNATIONAL INTEGRATION: INNOVATIVE TEACHING STRATEGIES AT VIETNAMESE UNIVERSITIES

Abstract: The article analyzes innovative strategies to improve Chinese language proficiency for students in the context of international integration. Based on the synthesis of modern theories and teaching practices at Vietnamese universities, the study proposes four key directions: innovating the program towards developing competencies; applying communicative, task and project teaching methods; integrating digital technology into the teaching and learning process; and enhancing the development of lecturers' competencies. These results contribute to the orientation to improve the quality of Chinese language training, meeting human resource requirements in the globalization period.

Keywords: Chinese; language competence; teaching innovation; digital technology; blended learning; lecturer competence.

Nhận bài: 12/10/2025

Phản biện: 13/11/2025

Duyệt đăng: 17/11/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế sâu rộng, năng lực ngoại ngữ đã trở thành một trong những yếu tố then chốt quyết định khả năng cạnh tranh của nguồn nhân lực trong thế kỷ hai mươi mốt. Đối với Việt Nam, quan hệ song phương với Trung Quốc không chỉ dừng lại ở phạm vi chính trị mà còn mở rộng sang nhiều lĩnh vực như kinh tế, thương mại, văn hóa và giáo dục. Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, Trung Quốc liên tục duy trì vị trí đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam trong nhiều năm qua, với kim ngạch xuất nhập khẩu đạt hàng trăm tỷ đô la Mỹ mỗi năm. Thực trạng này đã tạo ra nhu cầu ngày càng tăng về nguồn nhân lực có năng lực tiếng Trung, không chỉ ở mức độ giao tiếp cơ bản mà còn ở trình độ chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong khu vực và quốc tế.

Hệ thống giáo dục đại học Việt Nam đã có những bước chuyển mình đáng kể trong việc đào tạo tiếng Trung, với số lượng trường đại học mở ngành tiếng Trung tăng nhanh trong hai thập kỷ qua. Tuy nhiên, chất lượng đào tạo vẫn còn nhiều bất cập, đặc biệt là khoảng cách giữa năng lực ngôn

ngữ của sinh viên tốt nghiệp và yêu cầu thực tế của thị trường lao động. Lê Thị Hương (2018) chỉ ra rằng sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành tiếng Trung tại các trường đại học Việt Nam thường gặp khó khăn trong việc ứng dụng kiến thức vào thực tiễn công việc, đặc biệt trong các môi trường đòi hỏi kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp và tư duy liên văn hóa.

Đổi mới chiến lược giảng dạy tiếng Trung tại các trường đại học Việt Nam không chỉ là vấn đề cải tiến phương pháp sư phạm mà còn liên quan đến nhiều yếu tố như thiết kế chương trình đào tạo, phát triển năng lực giảng viên, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, và xây dựng môi trường học tập tích cực.

Nghiên cứu nhằm mục đích khảo sát và phân tích các chiến lược giảng dạy đổi mới trong đào tạo tiếng Trung tại các trường đại học Việt Nam, với trọng tâm là việc nâng cao năng lực ngôn ngữ của người học để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Thông qua việc tổng hợp các nghiên cứu trước đây và phân tích các mô hình giảng dạy hiện hành, nghiên cứu kỳ vọng đưa ra những gợi ý có giá trị

cho việc cải tiến chất lượng đào tạo tiếng Trung trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam. Kết quả nghiên cứu không chỉ có ý nghĩa lý luận mà còn có giá trị thực tiễn cao, góp phần vào việc hoàn thiện hệ thống đào tạo ngoại ngữ nói chung và tiếng Trung nói riêng tại Việt Nam.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Năng lực ngôn ngữ trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Khái niệm năng lực ngôn ngữ đã được mở rộng từ cách hiểu mang tính cấu trúc của Chomsky sang năng lực giao tiếp của Hymes (1972), nhấn mạnh khả năng sử dụng ngôn ngữ phù hợp với bối cảnh xã hội. Trong thời kỳ hội nhập quốc tế, năng lực tiếng Trung không chỉ bao gồm ngữ pháp, từ vựng mà còn đòi hỏi khả năng giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa và chuyên nghiệp. Khung năng lực ngôn ngữ của châu Âu và Khung năng lực tiếng Trung quốc tế (2010) cung cấp các tiêu chuẩn đánh giá toàn diện, nhưng các nghiên cứu như Wang & Kirkpatrick (2019) chỉ ra rằng điểm số cao trong các kỳ thi chuẩn hóa chưa đảm bảo khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thực tiễn. Vì vậy, năng lực tiếng Trung ngày nay phải bao gồm cả năng lực liên văn hóa. Theo Byram (1997), người học cần có thái độ phù hợp, hiểu biết văn hóa, khả năng diễn giải, tương tác và tư duy phê phán để thích ứng với sự khác biệt văn hóa. Đối với sinh viên Việt Nam, việc tích hợp nội dung văn hóa Trung Quốc đương đại vào giảng dạy (Trần Văn Phương, 2021) là đặc biệt cần thiết để nâng cao năng lực giao tiếp thực tế và khả năng thích ứng trong môi trường làm việc quốc tế.

2.2. Ứng dụng công nghệ trong giảng dạy tiếng Trung

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số đã tạo ra nhiều cơ hội đổi mới cho giảng dạy tiếng Trung tại các trường đại học Việt Nam. Công nghệ thông tin không chỉ cung cấp tài nguyên học tập phong phú mà còn mở rộng môi trường học tập vượt ra khỏi phạm vi lớp học truyền thống (Phạm Thị Lan, 2019). Các nền tảng học trực tuyến với bài giảng video, bài tập tương tác và công cụ luyện chữ Hán theo thuật toán lặp lại ngắt quãng giúp người học tăng khả năng ghi nhớ và tự học hiệu quả (Zhou & Li, 2021). Tuy nhiên, hiệu quả của mô hình trực tuyến phụ thuộc nhiều vào động lực và khả năng tự điều chỉnh học tập của sinh viên, đồng thời đòi hỏi sự hướng dẫn chặt chẽ từ giảng viên.

Công nghệ trí tuệ nhân tạo cũng đang được ứng dụng rộng rãi trong luyện phát âm, sửa lỗi ngữ pháp và cá nhân hóa quá trình học, góp phần khắc phục hạn chế về thời gian và sĩ số lớp học. Bên cạnh đó, mô hình học tập kết hợp (blended learning) và lớp học đảo ngược cho phép sinh viên tiếp cận kiến thức nền tảng qua tài liệu số trước giờ học, còn thời gian trên lớp tập trung cho thảo luận và thực hành giao tiếp. Garrison và Vaughan (2008) cùng Phạm Thị Lan (2019) đều khẳng định mô hình này phù hợp với giảng dạy tiếng Trung do giúp tối ưu thời gian lớp học và tăng cơ hội luyện tập ngôn ngữ. Nhìn chung, việc tích hợp công nghệ vào giảng dạy tiếng Trung mang lại nhiều lợi ích nhưng cần được triển khai có chiến lược, gắn với năng lực công nghệ của giảng viên và điều kiện thực tế của từng cơ sở đào tạo.

2.3. Thảo luận

2.3.1. Chiến lược đổi mới chương trình đào tạo

Đổi mới chương trình đào tạo tiếng Trung cần xuất phát từ việc xác định rõ mục tiêu đào tạo phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động và xu hướng phát triển của xã hội. Richards và Rodgers (2014) nhấn mạnh rằng thay vì chỉ tập trung vào việc truyền thụ kiến thức ngôn ngữ, chương trình đào tạo cần hướng đến việc phát triển năng lực toàn diện cho sinh viên, bao gồm năng lực ngôn ngữ, năng lực liên văn hóa, năng lực nghề nghiệp và các kỹ năng mềm cần thiết. Việc xây dựng chuẩn đầu ra rõ ràng, tham chiếu các khung năng lực quốc tế như Khung năng lực tiếng Trung quốc tế (Ủy ban Quốc gia Giảng dạy Tiếng Trung với tư cách là Ngoại ngữ, 2010), sẽ giúp đảm bảo chất lượng đào tạo và tạo điều kiện cho việc đánh giá hiệu quả chương trình.

Nội dung chương trình đào tạo cần được điều chỉnh để phản ánh thực tế sử dụng tiếng Trung trong bối cảnh hiện đại. Wang và Kirkpatrick (2019) đề xuất rằng bên cạnh các môn học truyền thống về ngữ âm, ngữ pháp và chữ Hán, chương trình cần bổ sung các môn học hướng nghiệp như tiếng Trung thương mại, tiếng Trung du lịch, tiếng Trung ngoại giao, và tiếng Trung trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Việc tích hợp nội dung văn hóa Trung Quốc đương đại vào các môn học ngôn ngữ sẽ giúp sinh viên không chỉ nắm vững ngôn ngữ mà còn hiểu sâu về xã hội và tư duy của người Trung Quốc (Byram, 1997). Hơn nữa,

chương trình đào tạo cần linh hoạt hơn, cho phép sinh viên lựa chọn các môn học tự chọn phù hợp với định hướng nghề nghiệp của mình.

Việc thiết kế chương trình theo hướng tích hợp kỹ năng cũng là một xu hướng quan trọng được Ellis (2003) ủng hộ. Thay vì giảng dạy các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết một cách tách biệt, các môn học nên được thiết kế để phát triển nhiều kỹ năng đồng thời thông qua các hoạt động học tập có ý nghĩa. Ví dụ, một dự án yêu cầu sinh viên nghiên cứu về văn hóa ẩm thực Trung Quốc sẽ đòi hỏi họ phải đọc tài liệu, nghe phỏng vấn, thảo luận nhóm và viết báo cáo, từ đó rèn luyện tất cả các kỹ năng ngôn ngữ trong một bối cảnh thực tế. Vũ Thị Thu Hương (2022) xác nhận rằng phương pháp tích hợp này không chỉ hiệu quả hơn về mặt sự phạm mà còn phản ánh cách sử dụng ngôn ngữ tự nhiên trong cuộc sống thực.

Đánh giá kết quả học tập cũng cần được đổi mới để phù hợp với mục tiêu đào tạo mới. Thay vì chỉ dựa vào các bài kiểm tra truyền thống đánh giá kiến thức ngữ pháp và từ vựng, hệ thống đánh giá cần bao gồm nhiều hình thức khác nhau như đánh giá dựa trên nhiệm vụ, đánh giá dựa trên dự án, và đánh giá năng lực giao tiếp thực tế. Ủy ban Quốc gia Giảng dạy Tiếng Trung với tư cách là Ngoại ngữ (2010) đề xuất việc áp dụng các bài kiểm tra chuẩn hóa quốc tế như Hán ngữ thủy bình khảo thí có thể giúp đánh giá khách quan năng lực tiếng Trung của sinh viên và tạo động lực cho việc học tập. Tuy nhiên, Nguyễn Văn Hùng và Trần Thị Mai (2020) lưu ý rằng các hình thức đánh giá này cần được kết hợp với đánh giá quá trình học tập để có cái nhìn toàn diện về sự tiến bộ của sinh viên.

2.3.2. *Đổi mới phương pháp giảng dạy*

Việc chuyển đổi từ phương pháp giảng dạy truyền thống sang các phương pháp tiếp cận hiện đại đòi hỏi sự thay đổi về tư duy của cả giảng viên và sinh viên. Richards và Rodgers (2014) chỉ ra rằng trong lớp học truyền thống, giảng viên đóng vai trò trung tâm, là người truyền thụ kiến thức, trong khi sinh viên chủ yếu thụ động tiếp nhận thông tin. Mô hình này cần được thay thế bằng một mô hình lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên đóng vai trò người hướng dẫn và tạo điều kiện cho việc học tập, còn sinh viên chủ động xây dựng kiến thức thông qua các hoạt động tương tác và trải nghiệm.

Việc áp dụng phương pháp tiếp cận giao tiếp trong giảng dạy tiếng Trung cần được thực hiện một cách có hệ thống. Zhang (2017) nhấn mạnh rằng các hoạt động giao tiếp không chỉ đơn thuần là yêu cầu sinh viên nói tiếng Trung mà cần được thiết kế để mô phỏng các tình huống giao tiếp thực tế, có mục đích rõ ràng và đòi hỏi sự trao đổi thông tin có ý nghĩa. Ví dụ, thay vì chỉ luyện tập mẫu câu về việc đặt hàng tại nhà hàng, sinh viên có thể được yêu cầu đóng vai khách hàng và nhân viên phục vụ trong một tình huống có vấn đề cần giải quyết, chẳng hạn như món ăn không đúng yêu cầu. Zhang (2017) khẳng định rằng những hoạt động như vậy không chỉ rèn luyện kỹ năng giao tiếp mà còn phát triển khả năng giải quyết vấn đề và sử dụng ngôn ngữ linh hoạt.

Học tập hợp tác là một chiến lược quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả giảng dạy tiếng Trung. Khi làm việc nhóm, sinh viên có nhiều cơ hội hơn để thực hành ngôn ngữ, học hỏi lẫn nhau và phát triển kỹ năng làm việc nhóm. Tuy nhiên, Ellis (2003) lưu ý rằng để học tập hợp tác thực sự hiệu quả, giảng viên cần thiết kế các nhiệm vụ có cấu trúc rõ ràng, đảm bảo mỗi thành viên trong nhóm đều có vai trò và trách nhiệm cụ thể. Zhang và Head (2020) đề xuất việc sử dụng các kỹ thuật như học tập theo nhóm chuyên gia hoặc chia sẻ theo cặp có thể giúp tối đa hóa sự tham gia của tất cả sinh viên và tạo ra một môi trường học tập tích cực.

Việc tích hợp văn hóa vào giảng dạy ngôn ngữ cũng cần được thực hiện một cách có chiến lược. Byram (1997) nhấn mạnh rằng thay vì chỉ giới thiệu các yếu tố văn hóa một cách bề nổi, giảng viên cần giúp sinh viên phát triển năng lực liên văn hóa thông qua các hoạt động so sánh, phân tích và phản tư về sự khác biệt văn hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc. Trần Văn Phương (2021) đề nghị việc sử dụng các tài liệu xác thực như phim, bài hát, tin tức và mạng xã hội sẽ giúp sinh viên tiếp xúc với ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc đương đại một cách sinh động. Hơn nữa, Byram (1997) cũng khuyến nghị giảng viên cần tạo cơ hội cho sinh viên tương tác trực tiếp với người bản ngữ thông qua các chương trình trao đổi, học tập từ xa hoặc các hoạt động ngoại khóa.

2.3.3. Tích hợp công nghệ vào giảng dạy

Việc tích hợp công nghệ vào giảng dạy tiếng Trung không chỉ là vấn đề sử dụng các thiết bị và phần mềm mà còn đòi hỏi sự thay đổi về cách thiết kế và tổ chức hoạt động học tập. Garrison và Vaughan (2008) nhấn mạnh rằng công nghệ nên được sử dụng như một công cụ hỗ trợ cho việc đạt được mục tiêu học tập, chứ không phải là mục đích tự thân. Giảng viên cần được trang bị kiến thức và kỹ năng về công nghệ giáo dục để có thể lựa chọn và sử dụng các công cụ phù hợp với bối cảnh giảng dạy cụ thể (Phạm Thị Lan, 2019).

Việc phát triển và sử dụng tài liệu số có thể mang lại nhiều lợi ích cho giảng dạy tiếng Trung. Zhou và Li (2021) chỉ ra rằng sách giáo khoa điện tử tương tác cho phép tích hợp các yếu tố đa phương tiện như âm thanh, video và hoạt hình, giúp minh họa các khái niệm ngôn ngữ một cách trực quan và sinh động. Các bài tập tương tác trực tuyến có thể cung cấp phản hồi tức thời cho người học, giúp họ tự đánh giá và điều chỉnh quá trình học tập. Đặc biệt, Zhou và Li (2021) nhận định rằng các công cụ học chữ Hán trực tuyến sử dụng công nghệ nhận dạng chữ viết tay có thể giúp sinh viên luyện tập viết chữ Hán hiệu quả hơn so với phương pháp truyền thống.

Mạng xã hội và các nền tảng giao tiếp trực tuyến mở ra cơ hội mới cho việc thực hành tiếng Trung ngoài lớp học. Phạm Thị Lan (2019) ghi nhận rằng giảng viên có thể tạo các nhóm học tập trực tuyến nơi sinh viên có thể trao đổi, thảo luận bằng tiếng Trung về các chủ đề được học trên lớp. Việc kết nối sinh viên với người bản ngữ thông qua các nền tảng trao đổi ngôn ngữ trực tuyến có thể giúp họ cải thiện kỹ năng giao tiếp và mở rộng hiểu biết văn hóa. Tuy nhiên, Zhou và Li (2021) cảnh báo rằng việc sử dụng mạng xã hội trong giảng dạy cần có sự hướng dẫn và giám sát của giảng viên để đảm bảo các hoạt động thực sự có giá trị học tập.

Mô hình học tập kết hợp đã được Garrison và Vaughan (2008) chứng minh là một giải pháp hiệu quả cho việc tối ưu hóa thời gian học tập và cá nhân hóa quá trình giảng dạy. Trong mô hình lớp học đảo ngược, sinh viên được yêu cầu tự học các nội dung lý thuyết thông qua các video bài giảng hoặc tài liệu trực tuyến trước khi đến lớp. Thời

gian trên lớp được dành cho các hoạt động thực hành, thảo luận và giải đáp thắc mắc. Phạm Thị Lan (2019) khẳng định rằng mô hình này đặc biệt phù hợp với giảng dạy tiếng Trung do cho phép sinh viên tự học theo tốc độ riêng của mình, đặc biệt là trong việc ghi nhớ từ vựng và chữ Hán, trong khi thời gian trên lớp được tận dụng tối đa cho việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp. Tuy nhiên, Garrison và Vaughan (2008) lưu ý rằng để mô hình này thành công, cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng từ giảng viên và tính kỷ luật cao từ sinh viên.

2.3.4. Phát triển năng lực giảng viên

Giảng viên đóng vai trò then chốt trong việc đổi mới giảng dạy tiếng Trung. Richards và Rodgers (2014) nhấn mạnh rằng bất kỳ chiến lược đổi mới nào cũng chỉ có thể thành công nếu giảng viên có đủ năng lực và động lực để thực hiện. Do đó, việc phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho giảng viên cần được đặt lên hàng đầu trong kế hoạch nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Trung. Các chương trình tập huấn không chỉ nên tập trung vào kiến thức chuyên môn về ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc mà còn cần chú trọng đến phương pháp giảng dạy hiện đại và kỹ năng ứng dụng công nghệ (Lê Thị Hương, 2018).

Việc tạo cơ hội cho giảng viên học tập và nghiên cứu tại Trung Quốc là một trong những biện pháp hiệu quả để nâng cao năng lực chuyên môn. Wang và Kirkpatrick (2019) chỉ ra rằng thông qua việc sống và làm việc trong môi trường tiếng Trung, giảng viên không chỉ cải thiện năng lực ngôn ngữ mà còn cập nhật kiến thức về xã hội và văn hóa Trung Quốc đương đại. Lê Thị Hương (2018) đề nghị các trường đại học cần xây dựng chính sách khuyến khích và hỗ trợ giảng viên tham gia các chương trình đào tạo, hội thảo quốc tế và các dự án nghiên cứu hợp tác với các trường đại học tại Trung Quốc.

Cộng đồng thực hành chuyên môn có thể đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển năng lực giảng viên. Thông qua các hoạt động như chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy, quan sát lớp học của đồng nghiệp, và thảo luận về các vấn đề sư phạm, giảng viên có thể học hỏi lẫn nhau và cùng nhau phát triển. Nguyễn Văn Hùng và Trần Thị Mai (2020) đề xuất các trường đại học nên tạo điều kiện cho việc hình thành và duy trì các cộng đồng

thực hành này, ví dụ như tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề định kỳ hoặc thiết lập các diễn đàn trực tuyến để giảng viên trao đổi. Việc mời các chuyên gia trong và ngoài nước đến chia sẻ kinh nghiệm cũng có thể mang lại những góc nhìn mới mẻ và thúc đẩy sự đổi mới.

Đánh giá và phản hồi về hoạt động giảng dạy cũng là một yếu tố quan trọng trong phát triển năng lực giảng viên. Richards và Rodgers (2014) lưu ý rằng hệ thống đánh giá cần được thiết kế không chỉ để xếp loại giảng viên mà còn để cung cấp thông tin hữu ích giúp họ cải thiện hoạt động giảng dạy. Phản hồi từ sinh viên, đồng nghiệp và lãnh đạo khoa cần được thu thập một cách có hệ thống và được sử dụng làm cơ sở cho việc phát triển chuyên môn. Hơn nữa, Richards và Rodgers (2014) cũng khuyến khích giảng viên thực hiện tự đánh giá và phản tư về hoạt động giảng dạy của mình, một thói quen quan trọng của người giảng viên chuyên nghiệp.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu khẳng định rằng việc nâng cao năng lực tiếng Trung cho sinh viên đại học Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế đòi hỏi một quá trình đổi mới toàn diện và đồng bộ. Các chiến lược trọng tâm bao gồm: cập nhật chương trình theo hướng phát triển năng lực toàn diện và gắn với nhu cầu thị trường lao động; đổi mới phương pháp giảng dạy theo tiếp cận giao tiếp, nhiệm vụ và dự án; tích hợp hiệu quả công nghệ số trong dạy – học; và chú trọng phát triển chuyên môn, năng lực công nghệ của đội ngũ giảng viên. Những định hướng này, được hỗ trợ bởi các nghiên cứu trong và ngoài nước, cho thấy tiềm năng nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Trung và đáp ứng yêu cầu nhân lực của thời kỳ hội nhập. Tuy nhiên, cần có thêm các nghiên cứu thực nghiệm để đánh giá hiệu quả từng chiến lược và đề xuất giải pháp triển khai phù hợp với từng cơ sở đào tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Byram, M. (1997). *Giảng dạy và đánh giá năng lực giao tiếp liên văn hóa*. Nhà xuất bản Multilingual Matters.
- Lê Thị Hương (2018). Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Trung Quốc tại các trường đại học Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 14(2), 45-52.
- Nguyễn Văn Hùng & Trần Thị Mai (2020). Đổi mới phương pháp giảng dạy tiếng Trung theo hướng phát triển năng lực cho sinh viên. *Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài*, 36(3), 78-89.
- Trần Văn Phương (2021). Phát triển năng lực liên văn hóa trong giảng dạy tiếng Trung cho sinh viên Việt Nam. *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống*, 5(287), 56-64.